

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-06-2024
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Bôi và bà Nguyễn Thị Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, TP Hà Nội. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1999; Trú tại: Xóm B, xã C, huyện T, TP Hà Nội. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cùng lời khai tại Tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hà Nội và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn năm 2022. Anh, chị sống chung thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể cùng nhau chia sẻ cuộc sống vợ chồng, mối quan hệ hôn nhân luôn trong tình trạng căng thẳng, anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Lê Thị H. Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng chị H đều vắng mặt, Tòa án đã thực hiện các thủ tục về tổng đạt văn bản tố tụng đối với chị H theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của ông Lê Nhữ H1 là bố đẻ của chị H: Anh T và chị H lấy nhau là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn năm 2022. Sau khi cưới cháu H về nhà anh T ở thôn T, xã T sinh sống, khoảng được 2 tháng thì bỏ về nhà ông để ở, trong quá trình ở nhà ông chưa khi nào thấy anh T và gia đình đến nhà tôi nói chuyện về 2 cháu về đoàn tụ. Nay anh T xin ly hôn với chị H. Quan điểm của ông và gia đình là 2 cháu đã lớn, việc ly hôn là của các cháu ông không can thiệp. Việc 2 cháu đoàn tụ là khó, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị H. Về con chung: Chưa có. Về tài sản chung công nợ chung anh T và chị H mới kết hôn nên không có gì.

Xác minh tại UBND xã C thể hiện: Anh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn T xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, thành phố Hà Nội năm 2022 với chị Lê Thị H, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm B, xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh T chị H chung sống với nhau được khoảng mấy tháng thì chị H về nhà mẹ đẻ ở C sinh sống, từ đó đến nay. Nay anh T xin ly hôn với chị H. Đề nghị Tòa án hòa giải để anh T và chị H đoàn tụ, nếu không thành đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện T thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; Đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T xử cho anh T được ly hôn với chị H. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công sức đóng góp, nợ chung: Không có Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, Thành phố Hà Nội cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai và tại phiên tòa, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn chị Lê Thị H có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện T, thành phố Hà Nội, theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2022 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, lối sống, cuộc sống chung không hạnh phúc dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ tháng 5/2023 vợ chồng bắt đầu sống ly thân đến nay không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Anh T xác định tình cảm hạnh phúc không còn, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ anh T đề nghị được ly hôn với chị H. Xét đề nghị của anh T phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận, cho anh T được ly hôn chị H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T đối với chị Lê Thị H

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Lê Thị H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tại biên lai thu số BLTU/23 số 0016118, ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã C, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Tuyển